

<p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.</p> <p>- Giáo viên củng cố phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (trường hợp chia hết, trường hợp có dư).</p> <p>Bài 1 (cột 3): (BT chờ - Dành cho đối tượng yêu thích học toán)</p> <p>- Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em.</p>	<p>- Học sinh nhận xét.</p> <p>- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành:</p> <p>a) 130 b) 120 (dư 1)</p>
<p>3. HĐ ứng dụng (2 phút)</p> <p>4. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<p>- Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng làm bài toán sau: Có 775 quả cam được xếp đều vào 5 thùng. Hỏi mỗi thùng đựng được bao nhiêu quả cam?</p> <p>- Suy nghĩ và thử giải bài toán sau: Tuần thứ nhất bán 450 quyển truyện. Tuần thứ hai bán số truyện bằng $\frac{1}{3}$ số truyện của tuần thứ nhất bán được. Hỏi số truyện tuần thứ hai bán được ít hơn số truyện tuần đầu bán là bao nhiêu quyển?</p>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

THỂ DỤC:

Tiếp tục hoàn thiện bài thể dục phát triển chung

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài thể dục phát triển chung.
- Biết cách tập hợp hàng ngang, dóng thẳng hàng ngang, điểm đúng số của mình.
- Trò chơi “**Đua ngựa**”. Biết cách chơi và tham gia chơi được.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng vận động. Tham gia chơi TC đúng luật.

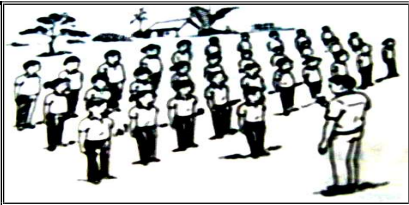
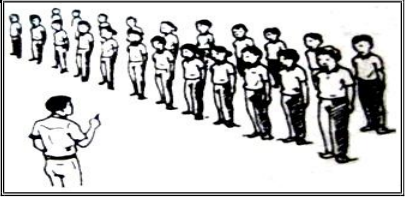
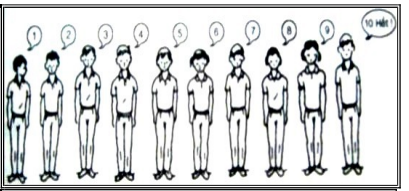
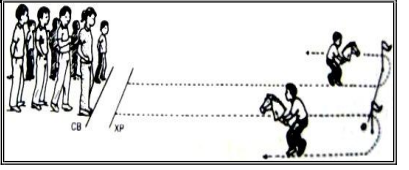
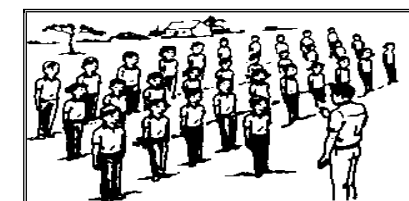
3. Giáo dục: Giáo dục tinh thần rèn luyện tích cực.

4. Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL tự giải quyết vấn đề, NL tự chăm sóc và phát triển sức khỏe.

II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN:

- Địa điểm: Sân trường bằng phẳng, an toàn khi tập luyện, vệ sinh sạch sẽ.
- Phương tiện: Còi, kẻ sân chơi trò chơi.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p>1. PHẦN MỞ ĐẦU:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận lớp phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học. - Chạy chậm thành 1 hàng dọc xung quanh sân tập. - Trò chơi “<i>Chui qua hầm</i>”. 	<p>1-2', 1 lần</p> <p>1-2', 1 lần</p> <p>2-3', 4-5 lần</p>	
<p>2. PHẦN CƠ BẢN</p> <p>Ôn tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lần 1: GV điều khiển và hô khẩu lệnh cho cả lớp thực hiện - Lần 2: Cán sự điều khiển <p>Hoàn thiện bài thể dục phát triển chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên điều khiển và hô nhịp cả lớp tập - CS hô nhịp cả lớp tập, giáo viên quan sát. - Chia tổ tập luyện do tổ trưởng điều khiển, các em trong tổ thay nhau hô nhịp. - Giáo viên đến các tổ quan sát, sửa sai. - Các tổ cử 5 em lên trình diễn bài thể dục do giáo viên điều khiển - Giáo viên nhận xét. <p>Chơi trò chơi “Đua ngựa”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu tên trò chơi, nhắc lại cách chơi, quy định chơi. - Tổ chức cho cả lớp cùng chơi. 	<p>4-5', 2 lần</p> <p>6-7', 2 lần</p> <p>4-5'</p>	  
<p>3. PHẦN KẾT THÚC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đứng tại chỗ vỗ tay theo nhịp và hát 1 bài. - Giáo viên và học sinh hệ thống bài. - Nhận xét kết quả giờ học. - Về nhà ôn 8 động tác thể dục đã học. 	<p>1-2', 1 lần</p> <p>1-2', 1 lần</p> <p>1-2', 1 lần</p>	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

BUỔI CHIỀU:

TIẾNG ANH:

(GV chuyên trách)

ÂM NHẠC:

(GV chuyên trách)

MĨ THUẬT:

(GV chuyên trách)

Thứ tư ngày 12 tháng 12 năm 2018

TOÁN:

TIẾT 73: GIỚI THIỆU BẢNG NHÂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Biết cách sử dụng bảng nhân làm các bài tập: 1, 2, 3.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tính và giải toán qua các bài tập.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh biết yêu thích học toán.

4. Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Các tấm bìa, mỗi tấm có 9 chấm tròn.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (2 phút)	

<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng ban văn nghệ tổ chức cho học sinh tham gia chơi trò chơi “Truyền điện”, nội dung liên quan đến bảng nhân đã học. - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
<p>2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút) * Mục tiêu: Biết cách sử dụng bảng nhân làm các bài tập. * Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Giới thiệu bảng nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng nhân như trong Toán 3 lên bảng. - Yêu cầu đếm số hàng, số cột trong bảng. - Yêu cầu học sinh đọc các số trong hàng, cột đầu tiên của bảng. - Yêu cầu học sinh đọc hàng thứ ba trong bảng. - Các số vừa học xuất hiện trong bảng nhân nào đã học. - Giáo viên kết luận. <p>Việc 2: Hướng dẫn sử dụng bảng nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh tìm kết quả của phép nhân 3×4. - Yêu cầu học sinh thực hành tìm tích của một số cặp số khác. <p>- Giáo viên chốt rút ra bảng nhân (sách giáo khoa trang 74)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát bảng nhân - Bảng có 11 hàng và 11 cột. - Đọc các số: 1, 2, 3, ..., 10. - Đọc số: 2, 4, 6, 8, 10, ..., 20. - Các số trên chính là kết quả của các phép tính trong bảng nhân 2. - Học sinh thực hành. - Học sinh tự tìm tích trong bảng nhân, sau đó điền vào ô trống. - Một số học sinh lên tìm trước lớp. Học sinh lần lượt chia sẻ trước lớp.
<p>3. HĐ thực hành (15 phút) * Mục tiêu: Vận dụng các bảng nhân vào giải các bài tập * Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Trò chơi “Xi điện”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Xi điện” để hoàn thành bài tập. - Giáo viên nhận xét chung. - Yêu cầu 4 học sinh nêu lại cách tìm tích của 4 phép tính trong bài. <p>Bài 2: Cặp đôi – Lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. - Học sinh nối tiếp nêu lại cách tìm tích của 4 phép tính trong bài. - Học sinh làm bài cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp:

	Thừa số	2	2	2	7	7	7	10	10	9
	Thừa số	4	4	4	8	8	8	9	9	10
	Tích	8	8	8	56	56	56	90	90	90

- Giáo viên nhận xét chung.

Bài 3: Cá nhân – Lớp

- Yêu cầu lớp làm vào vở.

- Giáo viên đánh giá, nhận xét 7 – 10 em.

- Nhận xét nhanh kết quả làm bài của học sinh.

- Gọi 1 học sinh làm đúng chia sẻ kết quả trước lớp.

- Học sinh nhận xét.

- Học sinh tự làm bài cá nhân.

- Chia sẻ kết quả trước lớp:

Bài giải

Số huy chương bạc là:

$8 \times 3 = 24$ (huy chương)

Tất cả có số huy chương là:

$24 + 8 = 32$ (huy chương)

Đáp số: 32 huy chương

3. HĐ ứng dụng (2 phút)

- Về nhà tiếp tục học thuộc bảng nhân. Áp dụng làm bài tập sau: *Lớp 3A có 7 học sinh thi học sinh giỏi. Cả khối lớp Bốn có số học sinh thi học sinh giỏi gấp 5 lần số học sinh thi học sinh giỏi của lớp 3A. Hỏi cả khối lớp Bốn có bao nhiêu học sinh thi học sinh giỏi?*

4. HĐ sáng tạo (1 phút)

- Suy nghĩ và giải bài tập sau: *An năm nay 8 tuổi. Tuổi của bà An gấp 9 lần tuổi của An. Hỏi năm nay bà An bao nhiêu tuổi?*

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

TỪ NGỮ VỀ CÁC DÂN TỘC. LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta (BT 1).

- Điền đúng từ ngữ thích hợp vào chỗ trống (BT 2).
- Dựa theo tranh gợi ý ,viết (hoặc nói) được câu có hình ảnh so sánh (BT 3).
- Điền được từ ngữ thích hợp vào câu có hình ảnh so sánh (BT 4).

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng dùng từ đặt câu.

3. Thái độ: Bồi dưỡng từ ngữ về tiếng Việt.

4. Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Bảng phụ, bản đồ Việt Nam.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp hát bài “<i>Trái đất này là của chúng mình</i>”. - Gọi 1 học sinh lên bảng làm bài tập 1 tuần 14. - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài mới - Ghi bảng đầu bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hát. - 1 học sinh lên bảng làm bài tập 1 tuần 14. - Học sinh dưới lớp theo dõi nhận xét. - Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài.
<p>2. HĐ thực hành (28 phút):</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta. - Điền đúng từ ngữ thích hợp vào chỗ trống (BT 2). - Dựa theo tranh gợi ý ,viết (hoặc nói) được câu có hình ảnh so sánh. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>*Việc 1: Mở rộng vốn từ</p> <p>Bài tập 1: Làm việc cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 em đọc đầu bài. - Cho học sinh làm bài theo nhóm. - Gắn kết quả, chữa bài. - Giáo viên, học sinh nhận xét ,bổ sung. + <i>Em hiểu thế nào là dân tộc thiểu số?</i> + <i>Người dân tộc thiểu số thường sống ở đâu trên đất nước ta?</i> - Yêu cầu học sinh ghi vào vở. + <i>Kể tên các dân tộc thiểu số ở nước ta mà em biết?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 em đọc đầu bài tập, lớp đọc thầm. - Trao đổi cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - Thống nhất kết quả + <i>Là các dân tộc ít người</i> +... <i>thường sống ở miền núi,...</i> + <i>Các dân tộc thiểu số sống ở phía Bắc: Tày, Nùng, Dao,...</i> + <i>Các dân tộc thiểu số sống ở miền</i>

<p>Bài tập 2: Làm việc cá nhân -> Chia sẻ cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 em đọc đầu bài. - Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập vào vở. - Giáo viên nhận xét, chữa bài. <p>*Giáo viên củng cố hiểu biết tên các dân tộc thiểu số, gắn với đời sống của dân tộc ít người ở các miền đất nước.</p> <p>*Việc 2: Luyện tập về so sánh</p> <p>Bài tập 3:</p> <p>Làm việc nhóm 4 -> Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 em đọc đầu bài. - Học sinh cùng quan sát tranh và trả lời câu hỏi. + <i>Nói tên từng cặp sự vật được so sánh với nhau trong mỗi tranh?</i> + <i>Hãy đặt câu so sánh mặt trăng và quả bóng?</i> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét. <p>Bài tập 4: Làm việc cá nhân -> Chia sẻ cặp đôi -> Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 em đọc đầu bài. - Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm những từ ngữ thích hợp với mỗi ô trống. - Theo dõi, giúp đỡ đối tượng M1 hoàn thành bài tập. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, chữa bài cho học sinh. - Giáo viên củng cố về cách dùng hình ảnh so sánh và từ dùng để so sánh. 	<p><i>Trung: Vân Kiều, Khơ-mú,...</i> + <i>Các dân tộc thiểu số sống ở miền Nam: Khơ-me, hoa, Xtiêng,...</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm vào vở. - Học sinh đổi chéo vở để kiểm tra kết quả. - Học sinh chia sẻ trước lớp. <p>Dự kiến đáp án: <i>a/ bậc thang, b/nhà rông</i> <i>c/ nhà sàn, d/ Chấm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 em đọc đầu bài tập, lớp đọc thầm - Học sinh quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu: + Tranh 1: Mặt trăng và quả bóng. + Mặt trăng tròn như quả bóng. + Học sinh nối tiếp chia sẻ các sự vật trong các tranh còn lại (...) <ul style="list-style-type: none"> - 1 em đọc đầu bài tập, lớp đọc thầm. - Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp. <p>Dự kiến đáp án: <i>a/ như núi Thái Sơn, như nước trong nguồn chảy ra.</i> <i>b/ như đồ mỡ</i> <i>c/ như núi</i></p>
---	--

3. HĐ ứng dụng (3 phút)	- Thi hát các bài hát, đọc các bài ca dao,... viết về các dân tộc.
4. HĐ sáng tạo (1 phút)	- Sưu tầm, tìm các câu ca dao, tục ngữ trong kho tàng văn học Việt Nam có sử dụng phép so sánh.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TẬP VIẾT:

ÔN CHỮ HOA L

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng, đẹp các chữ viết hoa **L**.
- Viết đúng, đẹp tên riêng **Lê Lợi** và câu ứng dụng theo cỡ chữ nhỏ: **Lời nói... cho vừa lòng nhau.**

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng viết chữ. Chữ viết rõ ràng, đều nét và thẳng hàng; biết nối nét giữa chữ viết hoa với chữ viết thường trong chữ ghi tiếng.

3. Thái độ: Yêu thích chữ Việt, có mong muốn được viết chữ đẹp.

4. Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Mẫu chữ hoa **L** viết trên bảng phụ có đủ các đường kẻ và đánh số các đường kẻ. Tên riêng và câu ứng dụng viết sẵn trên bảng lớp.

- Học sinh: Bảng con, vở Tập viết.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

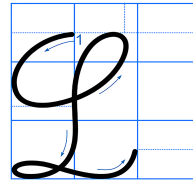
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (3 phút) - Trò chơi “ Viết nhanh viết đẹp ” - HS lên bảng viết: Yết Kiêu, Khi, một dạ, một lòng. - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng.	- Hát: <i>Năm ngón tay ngoan.</i> - Học sinh tham gia thi viết. - Lắng nghe.
2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết (10 phút) *Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.	

***Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp**

Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:



+ Trong tên riêng và câu ứng dụng có các chữ hoa nào?

- Treo bảng chữ **L**.
- Giáo viên viết mẫu cho học sinh quan sát và kết hợp nhắc quy trình.

Việc 2: Hướng dẫn viết bảng

- Giáo viên quan sát, nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.

Việc 3: Hướng dẫn viết từ ứng dụng

- Giới thiệu từ ứng dụng: **Lê Lợi**

+ Em biết gì về Lê Lợi?

=> Lê Lợi là một vị anh hùng dân tộc có công lớn đánh đuổi giặc Minh, giành độc lập cho dân tộc, lập ra triều đình nhà Lê.

+ Gồm mấy chữ, là những chữ nào?

+ Trong từ ứng dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào?

- Viết bảng con.

Việc 4: Hướng dẫn viết câu ứng dụng

- Giới thiệu câu ứng dụng.

=> *Giải thích: Câu tục ngữ khuyên chúng ta khi nói năng với mọi người phải biết lựa chọn lời nói, làm cho người nói chuyện với mình thấy dễ chịu và hài lòng.*

+ Trong từ câu ứng dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào?

- Cho học sinh luyện viết bảng con.

- **L**.

- Học sinh nêu lại quy trình viết.
- Học sinh quan sát.

- Học sinh viết bảng con: **L**.

- Học sinh đọc từ ứng dụng.
- Học sinh nói theo hiểu biết của mình.

- 2 chữ: **Lê Lợi**.

- Chữ L cao 2 li rưỡi, chữ ê, ơ, i cao 1 li.

- Học sinh viết bảng con: **Lê Lợi**.

- Học sinh đọc câu ứng dụng.

- Lắng nghe.

- Học sinh phân tích độ cao các con chữ.

- Học sinh viết bảng: **Lời nói, Lựa lời**.

3. HĐ thực hành viết trong vở (20 phút)

***Mục tiêu:** Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.

***Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân**

<p>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: + Viết 2 dòng chữ hoa L. + 1 dòng tên riêng Lê Lợi. + 1 lần câu ứng dụng bằng cỡ chữ nhỏ. - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <p>Việc 2: Viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh. - Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn, giúp đỡ học sinh viết chậm. - Đánh giá, nhận xét một số bài viết của học sinh. - Nhận xét nhanh việc viết bài của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe. - Lắng nghe và thực hiện. - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
<p>4. HĐ ứng dụng: (1 phút)</p> <p>5. HĐ sáng tạo: (1 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà luyện viết thêm để chữ viết đẹp hơn. - Thực hành khi nói năng cần lựa chọn lời nói cho phù hợp. - Tìm thêm những câu ca dao, tục ngữ về khuyên răn con người khi nói năng với mọi người phải biết lựa chọn lời nói, làm cho người nói chuyện với mình thấy dễ chịu và hài lòng.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TIẾNG ANH:

(GV chuyên trách)

.....

Thứ năm ngày 13 tháng 12 năm 2018

TIẾNG ANH:

(GV chuyên trách)

.....